

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 và Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 12/07/2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 23/2016/BYT-KNTP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Noi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trưởng Quốc Cường (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Vụ KHCN – Bộ CT (để biết);
- Cục QLCLNLS&TS – Bộ NN&PTNT (để biết);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày..... tháng..... năm 2016 của
Cục An toàn thực phẩm)*

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp	Giới hạn phát hiện (nếu có)
I. Các chỉ tiêu vi sinh vật				
1.	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	ISO 6579: 2002	.
2.	Định lượng nấm men và nấm mốc	Thực phẩm	TCVN 8275-1:2010 ISO 21527-1:2008 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95)	1 CFU/ml 10 CFU/g
3.	Định lượng nấm men và nấm mốc	Thực phẩm	TCVN 8275-2:2010 ISO 21527-2:2008 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95)	1 CFU/ml 10 CFU/g
4.	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 4830 - 1:2005 ISO 6888-1:1999 (Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker)	1 CFU/ml 10 CFU/g
5.	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> trên đĩa thạch	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 4991:2005 ISO 7937:2004	1 CFU/ml 10 CFU/g
6.	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 4884-1:2015 ISO 4833-1:2013 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C)	1 CFU/ml 10 CFU/g
7.	Phát hiện và định lượng <i>Coliforms</i>	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 4882-2007 ISO 4831:2006 (Phương pháp tính số có xác suất lớn nhất)	1 CFU/ml 10 CFU/g
8.	Định lượng <i>Coliforms</i>	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 6848-2006 ISO 4832:2006 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc)	1 CFU/ml 1 CFU/g
9.	Phát hiện và định lượng <i>Escherichia coli</i> giả định	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 6846-2007 ISO 7251:2005 (Phương pháp tính số có xác suất lớn nhất)	0,3 MPN/ml 3 MPN/g

10.	Định lượng <i>Escherichia Coli</i> dương tính β-Glucuronidaza.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 7924 -2:2008 ISO 16649-2:2001 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C (CFU) sử dụng 5-Bromo-4-Clo-3-indolyl β-D-Glucuronid)	1 CFU/ml 10 CFU/g
11.	Định lượng <i>B.cereus</i> giả định trên đĩa thạch	Thực phẩm	TCVN 4992-2005 ISO 7932:2004 (Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C)	1 CFU/ml 10 CFU/g
12.	Phát hiện và định lượng <i>Enterobacteriaceae</i>	Thực phẩm	TCVN 5518 – 2:2007 ISO 21528-2:2004	1 CFU/ml 10 CFU/g
13.	Định lượng <i>Listeria monocytogene</i>	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 7700- 2:2007- ISO 11290-2:1998 Amd.1:2004	
14.	Phát hiện <i>Listeria monocytogenes</i>	Thực phẩm, thực phẩm chức năng	TCVN 7700- 1:2007 ISO 11290-1:1996 Amd.1:2004	
15.	Định lượng <i>Coliforms</i>	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên và đá dùng liền	TCVN 6187-1/2009 ISO 9308-1: 2000 (Phương pháp màng lọc)	1CFU/100ml
16.	Định lượng <i>Escherichia Coli</i>	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên và đá dùng liền	TCVN 6187-1/2009 ISO 9308-1:2000 (Phương pháp màng lọc)	1CFU/100ml
17.	Phát hiện và đếm liên cầu khuẩn đường ruột <i>Enterococci</i>	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên và đá dùng liền	TCVN 6189-2/2009 ISO 7899-2:2000	1CFU/100ml
18.	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulphit	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên và đá dùng liền	TCVN 6191-2/1996 ISO 6461-2:1986	1CFU/100ml
19.	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>P.aeruginosa</i>	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên và đá dùng liền	TCVN 8881:2011 ISO 16266-2010	1CFU/100ml
II. Các chỉ tiêu hóa lý				
20.	Xác định hàm lượng arsen (As)	Nước uống đóng chai	TCVN 6626: 2000 (Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) – kỹ thuật hydrua)	0,001ppm

21.	Xác định hàm lượng cadmi (Cd)	Nước uống đóng chai	TCVN 6197: 2008 (Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) – kỹ thuật lò graphite)	0,001 ppm
22.	Xác định hàm lượng nitơ	Thực phẩm bột sung	TCVN 8099-1: 2009 (Phương pháp Kjeldahl)	
23.	Xác định hàm lượng nitơ và tính hàm lượng protein thô	Bột ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc	TCVN 8125:2009 (Phương pháp Kjeldahl)	
24.	Xác định hàm lượng tro tổng số	Bột ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc	TCVN 8124-2009	
25.	Xác định hàm lượng cadmi (Cd)	Bột ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc	AOAC 999.10:2012 (Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphite)	0,01 ppm
26.	Xác định hàm lượng arsen (As)	Bột ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc	AOAC 986.15:2012 (Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật hydrua hóa)	0,005 ppm
27.	Xác định trị số acid và độ acid	Dầu thực vật	TCVN 6127: 2010	
28.	Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi	Dầu thực vật	TCVN 6120: 2010	
29.	Xác định hàm lượng chất béo	Bơ	TCVN 8154:2009	

Ghi chú:

Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

